

THÔNG BÁO

Về việc lập, điều chỉnh và duyệt kế hoạch học tập cá nhân để chuẩn bị đăng ký học phần Học kỳ 2 Năm học 2025-2026 (mã học kỳ 2533)

Phòng Đào tạo đại học thông báo đến Sinh viên (SV), Cố vấn học tập (CVHT) về việc lập, điều chỉnh và duyệt Kế hoạch học tập cá nhân (KHHT-CN) để chuẩn bị cho việc đăng ký học phần của Học kỳ 2 - Năm học 2025-2026 (mã học kỳ: 2533), cụ thể như sau:

1. Đối tượng thực hiện

- a) Sinh viên chưa hoàn thành chương trình đào tạo
- SV hết lộ trình học tập:
 - Khóa 2018, 2019 đã có Quyết định cho gia hạn thời gian đào tạo.
 - Khóa 2020, 2021.
 - SV còn lộ trình học tập:
 - Khóa 2022 đến 2024.
 - Khóa 2025 thuộc diện tự đăng ký học phần (được xét miễn học phần)
- b) Cố vấn học tập: kiểm tra và duyệt KHHT-CN cho SV theo đúng tiến độ và quy định.

2. Thời gian thực hiện

- a) SV lập/điều chỉnh kế hoạch học tập cá nhân
- Từ ngày 11/11/2025 đến hết ngày 18/11/2025.
- b) CVHT duyệt kế hoạch học tập cá nhân
- Từ ngày 11/11/2025 đến 18/11/2025: Duyệt KHHT-CN hoàn chỉnh.
 - Từ ngày 18/11/2025 đến 20/11/2025: Gửi phản hồi yêu cầu sinh viên điều chỉnh (nếu cần) và duyệt lại kế hoạch đã cập nhật.

3. Cách thức thực hiện

SV thực hiện tại: Cổng thông tin sinh viên (<http://httsv.hoasen.edu.vn>) → Mục “Tự quản lý” → “Kế hoạch cá nhân” → Chọn Học kỳ 2 - Năm học 2025-2026 (mã học kỳ: 2533).

CVHT thực hiện duyệt tại: Hệ thống thông tin quản lý (<http://httql.hoasen.edu.vn>) → Mục “Cổng Cố vấn học tập” → “Quản lý KHHT cá nhân” → Chọn mã học kỳ 2533.

- a) SV hết lộ trình học tập
- SV đã hết lộ trình học tập mẫu, KHHT-CN sẽ không hiển thị tại Học kỳ 2.
 - SV cần truy cập mục “Duyệt danh mục MH”, lựa chọn các học phần cần học chuyển vào mục “Thêm môn vào kế hoạch”, sau đó từ mục “Môn học chưa lên kế hoạch” chuyển sang Học kỳ 2 (mã học kỳ 2533) để hoàn tất việc lập KHHT-CN.
- b) SV còn lộ trình học tập
- SV thuộc diện được Trường xếp thời khóa biểu (Khóa 2023, 2024 và Khóa 2022 ngành Thiết kế thời trang, Thiết kế đồ họa): Trường đã lập KHHT-CN tại Học kỳ 2, SV có thể điều chỉnh KHHT-CN để bổ sung các học phần học lại hoặc tự chọn tự do. Đối với học phần tự chọn bắt buộc, SV cần xóa các học phần không chọn ra khỏi kế hoạch học tập.
 - SV thuộc diện tự đăng ký học phần (Khóa 2022 và Khóa 2023, 2024, 2025 diện xét miễn): chủ động điều chỉnh KHHT-CN để đăng ký các học phần cần học.

4. Thông tin liên hệ

Trong quá trình thực hiện, SV cần hỗ trợ, vui lòng liên hệ:

- Về danh sách học phần dự kiến mở: CVHT hoặc Giám đốc chương trình.
- Về sự cố phần mềm: Phòng Công nghệ Thông tin - erpsupport@hoasen.edu.vn.
- Về thao tác lập KHHT-CN: Bộ phận Đăng ký học phần - dkmh@hoasen.edu.vn.

Nơi nhận:

- SV (để th/h);
- TT. TNSV&QHDN, các khoa, CVHT, các phòng ban (để ph/h);
- Thông báo (httsv, email SV);
- Lưu: P. ĐTDH.

TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Tiến Lập

**DANH SÁCH HỌC PHẦN THEO LỘ TRÌNH MẪU DỰ KIẾN MỞ
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2025-2026 (MÃ HK 2533)**

(Đính kèm thông báo số 90/TB-ĐTĐH ngày 07 tháng 11 năm 2025)

Lưu ý: SV xem kỹ mã Học phần (HP) theo đúng yêu cầu đào tạo từng khóa để chọn đúng Mã số Học phần (Cột B_tô Vàng).

STT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Tổng tiết	Ghi chú
1	AI103DV01	Toán ứng dụng trong Trí tuệ nhân tạo	3	45	
2	AI105DV01	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật với Python	3	60	
3	AI202DV01	Lập trình hướng đối tượng trong Python	3	60	
4	AI203DV01	Tối ưu hoá	3	60	
5	AI205DE01	Trí tuệ nhân tạo	3	60	
6	AI303DE01	Phương pháp và công cụ trí tuệ nhân tạo	3	60	
7	AI305DV01	Học sâu	3	60	
8	AI306DE01	Phân tích dữ liệu	3	60	
9	AI407DV01	Người máy và thị giác máy tính	3	60	
10	AI408DV01	Xử lý ngôn ngữ tự nhiên	3	60	
11	AI413DV01	Trí tuệ nhân tạo trong chăm sóc khách hàng	3	60	
12	AI415DV01	Trí tuệ nhân tạo trong thương mại điện tử	3	60	
13	AI418DV01	Khoa học dữ liệu nâng cao	3	60	
14	AI450DV01	Thực tập tốt nghiệp	9	0	
15	AI451DV01	Khóa luận tốt nghiệp	9	0	
16	ANH117DE02	Kỹ năng Đọc và Viết tiếng Anh 2	3	60	
17	ANH203DE03	Kỹ năng Nghe và Nói tiếng Anh 3	3	45	
18	ANH210DE03	Nói tiếng Anh trước công chúng	3	45	
19	ANH211DE04	Tâm lý sư phạm	3	45	
20	ANH225DE02	Dẫn nhập truyền thông và tổ chức doanh nghiệp	3	45	
21	ANH228DE01	Anh văn kinh doanh	3	60	
22	ANH303DE03	Hình thái học và cú pháp tiếng Anh	3	60	
23	ANH322DE01	Anh văn thư tín thương mại	3	60	
24	ANH324DE01	Anh văn kinh doanh nâng cao	3	60	
25	ANH325DE02	Kỹ năng tiếp thị và bán hàng	3	45	
26	ANH332DE02	Nhập môn giảng dạy tiếng Anh	3	45	
27	ANH408DE05	Văn học Mỹ	3	60	
28	ANH450DE03	Thực tập tốt nghiệp	9	0	
29	ANH450DE03	Thực tập tốt nghiệp	9	0	
30	ANH451DE03	Khóa luận tốt nghiệp	9	0	
31	ANH451DE03	Khóa luận tốt nghiệp	9	0	
32	ART102DV02	Cơ sở tạo hình	3	60	
33	ART105DV01	Nhiếp ảnh kỹ thuật số	3	45	
34	ART109DV01	Lịch sử Mỹ thuật (Thế giới và Việt Nam)	3	60	
35	ART205DV01	Nhiếp ảnh 2 (nâng cao)	3	45	
36	ART206DV01	Triết lý thiết kế	3	45	
37	AV202EL02	Kỹ năng tiếng Anh giao tiếp 2	5	105	
38	BA101DV01	Kinh tế vi mô	3	45	
39	BA102DV01	Kinh tế vĩ mô	3	45	
40	BA103DV01	Đạo đức kinh doanh	3	45	
41	BA201DE01	Kỹ thuật thương lượng	3	45	
42	BA206DE01	Hành vi tổ chức	3	45	
43	BA301DV03	Đề án ngành Quản trị kinh doanh	3	0	
44	BA310DV01	Quản trị chất lượng và rủi ro	6	75	
45	BA402DV01	Quản trị vận hành và chuỗi cung ứng	6	72	
46	BA450DV01	Thực tập tốt nghiệp	9	0	
47	BA451DV01	Khóa luận tốt nghiệp	9	0	
48	BLAW302DV02	Luật Ngân hàng	3	45	
49	BLAW306DV02	Pháp luật về Kế toán - Kiểm toán	3	45	
50	BLAW309DE02	Pháp luật về Thương mại điện tử	3	45	
51	BLAW310DE02	Pháp luật về An ninh mạng và bảo vệ dữ liệu	3	45	
52	BLAW311DV01	Pháp luật về Ngân hàng và chứng khoán	3	45	

53	BLAW450DV01	Thực tập tốt nghiệp	9	0	
54	BLAW451DV01	Khóa luận tốt nghiệp	9	0	
55	CL102DV01	Kỹ năng Nghe và Nói tiếng Trung Quốc 2	3	60	
56	CL104DV01	Kỹ năng Đọc và Viết tiếng Trung Quốc 2	3	60	
57	CL202DV01	Kỹ năng Nghe và Nói tiếng Trung Quốc 4	3	60	
58	CL204DV01	Kỹ năng Đọc và Viết tiếng Trung Quốc 4	3	60	
59	CL207DV01	Văn tự tiếng Trung Quốc	3	45	
60	CL208DV01	Trải nghiệm văn hóa Trung Hoa	3	60	
61	CL301DV01	Ngữ pháp tiếng Trung Quốc	3	45	
62	CN101DV01	Kiến trúc và dịch vụ đám mây cơ bản	3	60	
63	CN203DV01	Lý thuyết hệ điều hành	3	60	
64	CN203DV01	Lý thuyết hệ điều hành	3	60	
65	CN335DV01	An toàn mạng	3	60	
66	DA204DE02	Nghệ thuật chữ viết tay	3	60	
67	DA302DE01	Đồ họa bao bì	3	75	
68	DA304DE01	Thiết kế dựng cảnh phim/ Clip	3	60	
69	DA310DE01	Điều khắc 3D - ZBrush	3	60	
70	DA311DV01	Tạo hình nhân vật-sinh vật	6	75	
71	DA312DV01	Thiết kế ý niệm Game	6	75	
72	DA450DV01	Đồ án tốt nghiệp	9	0	
73	DC140DV01	Triết học Mác-Lênin	3	45	
74	DC141DV01	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	30	
75	DC142DV01	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	
76	DC143DV01	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	
77	DC144DV01	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2	30	
78	DM302DE02	Chiến lược Marketing kỹ thuật số	3	0	
79	DM304DE01	Dẫn nhập môn Marketing kỹ thuật số	3	45	
80	DM305DE01	Truyền thông kỹ thuật số	3	45	
81	DM308DV03	Đề án ngành Digital Marketing	3	0	
82	DM310DV01	Đề án đổi mới sáng tạo trong kinh doanh	3	0	
83	DM406DV01	Marketing trí tuệ nhân tạo	6	75	
84	DM450DV01	Thực tập tốt nghiệp	9	0	
85	DM451DV01	Khóa luận tốt nghiệp	9	0	
86	EC201DE01	Thương mại điện tử	3	45	
87	EC308DE01	Công nghệ thông tin cơ bản trong thương mại điện tử	3	45	
88	EC309DV03	Đề án ngành Thương mại điện tử	3	0	
89	EC314DE01	Thiết kế nội dung chuyển đổi	3	45	
90	EC315DV01	Giao dịch sản phẩm số trên sàn quốc tế	6	75	
91	EC401DE01	Thương mại điện tử nâng cao	3	45	
92	EC402DV01	Kinh doanh game không cần lập trình	6	75	
93	EC450DV01	Thực tập tốt nghiệp	9	0	
94	EC451DV01	Khóa luận tốt nghiệp	9	0	
95	EM208DV01	Nhập môn quản trị sự kiện	3	45	
96	EM302DE01	Quản trị rủi ro và an toàn cho khách	3	45	
97	EM306DE01	Biên tập chương trình sự kiện	3	45	
98	EM309DE01	Tổ chức & đánh giá sự kiện thể thao	3	45	
99	EM315DE01	Quản trị M.I.C.E	3	45	
100	EM407DV01	Thiết kế sân khấu, sản xuất và thi công trong ngành sự kiện	6	75	
101	FM206DE01	Dẫn nhập ngôn ngữ hình ảnh và âm thanh	3	75	
102	FT301DV01	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong công nghệ tài chính	3	45	
103	FT308DV01	Quản lý dữ liệu tài chính và Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong Fintech	6	75	
104	GD102DV01	Nghệ thuật chữ 1 (căn bản)	3	45	
105	GD210DV01	Kỹ thuật phác họa	3	60	
106	GD211DV01	Kỹ thuật minh họa	3	60	
107	GD305DE01	Đồ họa nhận dạng thương hiệu	3	60	
108	GD309DV01	Kỹ thuật minh họa số	3	60	
109	GD312DV01	Thiết kế UI – UX	6	75	
110	GD450DV01	Đồ án tốt nghiệp	9	0	
111	GE006DV01	Tiếng Anh hội nhập quốc tế 3	0	135	
112	GE103DV01	Tiếng Anh 1	4	90	
113	GE106DV01	Tiếng Anh hội nhập quốc tế 4	5	135	
114	GLAW101DV01	Pháp luật đại cương	3	45	

115	GLAW202DV02	Luật Thương mại quốc tế	3	45	
116	GS102DV01	Toán rời rạc	3	45	
117	GS109DV02	Thống kê ứng dụng	3	45	
118	GS110DV01	Xác suất thống kê cho kỹ sư	3	45	
119	HAN101DV01	Tiếng Hàn 1	4	90	
120	HAN201DV03	Tiếng Hàn 4	4	90	
121	HM102EL01	Kinh tế học trong DI và KS-NH	3	45	
122	HM201DE01	Quản trị bộ phận phòng	3	60	
123	HM206EL01	Nguyên lý Marketing & Sales trong KS-NH	3	45	
124	HM302EL01	Chăm sóc khách hàng trong môi trường toàn cầu	3	45	
125	HM309EL01	Những xu hướng đương đại trong ngành KS-NH	3	45	
126	HM313EL01	Quản trị bộ phận lưu trú	3	45	
127	HM402EL01	Tài chính trong KS-NH	3	45	
128	HM404EL01	Kế hoạch phát triển khách sạn	3	45	
129	HM410DV01	Quản lý và vận hành khách sạn	6	69	
130	HM450DV01	Thực tập tốt nghiệp	9	0	
131	HM451DV01	Khóa luận tốt nghiệp	9	0	
132	HRM202DV03	Đề án ngành Quản trị nhân lực	3	0	
133	HRM203DV01	Quản trị nhân sự	3	45	
134	HRM306DE01	Quan hệ lao động	3	45	
135	HRM310DE01	Tuyển dụng nhân sự	3	45	
136	HRM311DE01	Đào tạo và phát triển	3	45	
137	HRM316DV01	Hiểu tâm lý người lao động trong xây dựng truyền thông nội bộ	6	75	
138	HRM317DV01	Chính sách, thủ tục và văn hóa trong quản trị nguồn nhân lực	6	75	
139	HRM450DV01	Thực tập tốt nghiệp	9	0	
140	HRM451DV01	Khóa luận tốt nghiệp	9	0	
141	IB101DV01	Nhập môn Kinh doanh quốc tế	3	45	
142	IB301DE01	Đầu tư quốc tế	3	45	
143	IB303DV01	Nhượng quyền kinh doanh	3	45	
144	IB304DV03	Đề án ngành Kinh doanh quốc tế	3	0	
145	IB306DE01	Thanh toán quốc tế	3	45	
146	IB311DV01	Luật và đàm phán kinh doanh quốc tế	6	75	
147	IB402DE01	Quản trị xuất nhập khẩu	3	45	
148	IB404DE01	Chiến lược thâm nhập thị trường quốc tế và quản trị rủi ro	3	45	
149	IB450DV01	Thực tập tốt nghiệp	9	0	
150	IB451DV01	Khóa luận tốt nghiệp	9	0	
151	IT001DV01	Tin học dự bị	0	45	
152	IT202DV01	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	3	60	
153	IT207DE01	Kiểm thử phần mềm	3	60	
154	IT305DE01	Thiết kế tương tác	3	60	
155	IT308DV02	Đồ án chuyên ngành	3	0	
156	IT311DV01	Dữ liệu lớn với Hadoop	3	60	
157	IT317DV01	Phát triển ứng dụng Internet of Things	3	60	
158	IT401DV01	Công nghệ Blockchain	3	45	
159	IT450DV01	Thực tập tốt nghiệp	9	0	
160	IT451DV01	Khóa luận tốt nghiệp	9	0	
161	KL102DV01	Kỹ năng Nghe - Nói tiếng Hàn Quốc 2	3	60	
162	KL104DV01	Kỹ năng Đọc - Viết tiếng Hàn Quốc 2	3	60	
163	KL206DV01	Ngôn ngữ và Văn hóa Hàn Quốc	3	45	
164	KT204DV02	Nguyên lý kế toán	3	45	
165	KT210DE02	Kế toán tài chính 1	3	60	
166	KT212DV02	Thuế	3	45	
167	KT301DV02	Kế toán quản trị chi phí	3	45	
168	KT307DV03	Phần mềm kế toán số	4	90	
169	KT317DV01	Mô phỏng kế toán	3	60	
170	KT322DV01	Quản trị hiệu quả hoạt động	6	75	
171	KT415DV01	Kiểm toán	3	60	
172	KT450DV01	Thực tập tốt nghiệp	9	0	
173	KT451DV01	Khóa luận tốt nghiệp	9	0	
174	LAW103DV01	Luật Hiến pháp	3	45	
175	LAW105DV02	Luật Hôn nhân và gia đình	3	45	
176	LAW106DV01	Luật Đất đai - Môi trường	3	45	

177	LAW108DV01	Luật Thuế	3	45	
178	LAW109DV01	Luật Hình sự và Tổ tụng Hình sự	3	45	
179	LAW112DE01	Pháp luật về Chủ thể kinh doanh và phá sản	3	45	
180	LAW113DV01	Pháp luật về Hàng hóa và dịch vụ	3	45	
181	LAW117DV01	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học Luật	2	30	
182	LAW202DV01	Pháp luật về Hợp đồng và Bồi thường thiệt hại ngoài Hợp đồng	3	45	
183	LAW209DV02	Kỹ năng thực hành pháp luật	3	45	
184	LE103DV01	Giới và phát triển tại Việt Nam	3	45	
185	LE104DV02	Con người, môi trường và các vấn đề xã hội	3	45	
186	LE133DV01	Triết học nhân sinh	3	45	
187	LE202DV01	Tư duy phân biện	3	45	
188	LE202EL01	Dẫn nhập phương pháp nghiên cứu	3	0	
189	LE208DV01	Giao tiếp liên văn hoá	3	45	
190	LE212DV01	Tinh thần doanh chủ	3	45	
191	LG203DV01	Quản trị thu mua	3	45	
192	LG205DE01	Quản trị nhà kho và tồn kho (FIATA)	3	45	
193	LG206DV01	Nguyên lý logistics và quản lý chuỗi cung ứng	3	45	
194	LG301DE01	Vận tải và bảo hiểm hàng hoá quốc tế	3	45	
195	LG312DE01	Giao nhận hàng hóa và khai báo hải quan (FIATA)	3	45	
196	LG313DE01	Vận tải đa phương thức (FIATA)	3	45	
197	LG314DE01	Vận tải thủy (FIATA)	3	45	
198	LG319DE02	Vận hành dịch vụ Logistics (FIATA)	6	66	
199	LG322DV02	Đề án ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	3	0	
200	LG450DV01	Thực tập tốt nghiệp	9	0	
201	LG451DV01	Khóa luận tốt nghiệp	9	0	
202	MC101DV01	Nhập môn truyền thông đa phương tiện	3	60	
203	MC201DE01	Truyền thông xã hội và sáng tạo nội dung cho truyền thông xã hội	3	60	
204	MC302DV01	Tiếng Anh chuyên ngành truyền thông đa phương tiện	3	75	
205	MIS102DV01	Nhập môn Hệ thống thông tin quản lý	3	45	
206	MIS104DV01	Kỹ năng số và ứng dụng AI	3	45	
207	MIS215DV01	Tin học ứng dụng khối ngành Kinh tế	3	45	
208	MIS216DV02	Tin học ứng dụng khối ngành Du lịch	3	45	
209	MIS217DV01	Tin học ứng dụng khối ngành Khoa học xã hội	3	45	
210	MK202DV02	Hành vi khách hàng	3	45	
211	MK203DV01	Marketing căn bản	3	45	
212	MK208DE01	Nghiên cứu Marketing	3	45	
213	MK307DE01	Quản trị sản phẩm	3	45	
214	MK315DV04	Đề án ngành Marketing	3	0	
215	MK316DE01	Chiến lược định giá	3	39	
216	MK327DV01	Chiến lược Marketing và bán hàng	6	75	
217	MK328DV01	Đề án doanh nghiệp	3	0	
218	MK401DE02	Quản trị thương hiệu	3	45	
219	MK415DV01	Những vấn đề đương đại trong Marketing	6	75	
220	MK416DV01	Quản trị thương hiệu	6	75	
221	MK417DV01	Marketing trên nền tảng di động và mạng xã hội	6	75	
222	MK450DV01	Thực tập tốt nghiệp	9	0	
223	MK451DV01	Khóa luận tốt nghiệp	9	0	
224	NHAT101DV02	Tiếng Nhật 1	4	90	
225	NHAT201DV05	Tiếng Nhật 4	4	90	
226	PB450DV01	Thực tập tốt nghiệp	9	0	
227	PB451DV01	Khóa luận tốt nghiệp	9	0	
228	PE104DV01	Bóng đá	1	30	
229	PE105DV01	Bóng rổ	1	30	
230	PE106DV01	Bóng bàn	1	30	
231	PE107DV01	Karatedo	1	30	
232	PE109DV01	Cầu lông	1	30	
233	PE110DV01	Taekwondo	1	30	
234	PE114DV01	Kickboxing	1	30	
235	PE115DV01	Marathon	1	30	
236	PE117DV01	Vovinam	1	30	
237	PE119DV01	Muay	1	30	
238	PE120DV01	Thế hình	1	30	

239	PE121DV01	Dance Sport	1	30	
240	PE126DV01	Boi lội	1	30	
241	PE127DV01	Yoga	1	30	
242	PE128DV01	Bắn cung	1	30	
243	PE129DV01	Bắn súng	1	30	
244	PE130DV01	Pickleball	1	30	
245	PHAP101DV02	Tiếng Pháp 1	4	90	
246	PHAP201DV04	Tiếng Pháp 4	4	90	
247	PR101DV02	Viết bình luận và tranh luận	3	60	
248	PR201DE01	Tổng quan về kinh doanh và quản trị doanh nghiệp	3	45	
249	PR202DE01	Nhập môn Quan hệ công chúng	3	45	
250	PR202DV01	Nhập môn Quan hệ Công chúng	3	45	
251	PR203DV01	Sản xuất tin tức & phóng sự	3	45	
252	PR301DV01	Kỹ năng nói trước công chúng	3	45	
253	PR308DV02	Đề án: Sản xuất sản phẩm truyền thông cho hoạt động PR	3	30	
254	PR311DV01	Lập kế hoạch và quản lý chương trình quan hệ công chúng	6	75	
255	PR401DE01	Truyền thông doanh nghiệp	3	45	
256	PR451DV01	Đồ án tốt nghiệp	9	0	
257	PSY105DV01	Tâm lý học phát triển	3	45	
258	PSY109DV02	Thống kê và Phân tích trong Tâm lý học	3	45	
259	PSY202DE02	Thực hành chuyên nghiệp trong Tâm lý học	3	45	
260	PSY205DV01	Lý thuyết về nhân cách	3	45	
261	PSY207DV01	Tâm bệnh học II	3	45	
262	PSY210DV01	Tâm lý học trong doanh nghiệp	3	45	
263	PSY212DV01	Đề án nghiên cứu	3	0	
264	PSY306DE01	Tâm lý học sức khỏe	3	45	
265	PSY309DE01	Tham vấn học đường	3	45	
266	PSY405DV01	Trị liệu nhận thức thiền định	3	42	
267	PSY408DV01	Trị liệu nhận thức hành vi	6	75	
268	PSY413DE01	Tâm lý hành vi khách hàng trong Doanh nghiệp	3	45	
269	PSY450DV01	Thực tập nghề nghiệp	9	0	
270	PSY451DV01	Khóa luận tốt nghiệp	9	0	
271	RM101DE01	Kỹ năng vận hành các dịch vụ ẩm thực	3	45	
272	RM101EL01	Kỹ năng vận hành dịch vụ ẩm thực	3	45	
273	RM202DV01	Chế biến món ăn	3	60	
274	RM402DE01	Quản trị nhà hàng	3	45	
275	RM450DV01	Thực tập tốt nghiệp	9	0	
276	RM451DV01	Khóa luận tốt nghiệp	9	0	
277	SE201DV01	Nhập môn Kinh tế thể thao	3	45	
278	SW102DV01	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	60	
279	SW102DV01	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	60	
280	SW103DV01	Lập trình hướng đối tượng	3	60	
281	SW103DV01	Lập trình hướng đối tượng	3	60	
282	SW210DE01	Công nghệ phần mềm	3	45	
283	SW302DV01	Phát triển game nâng cao	3	60	
284	SW310DV01	Phát triển ứng dụng trên thiết bị di động	3	60	
285	SW311DV01	Phát triển Web sử dụng Framework	3	60	
286	SW314DV01	Phát triển ứng dụng Web trên nền tảng Java EE	3	60	
287	SW402DE01	Kiến trúc phần mềm	3	60	
288	SW450DV01	Thực tập tốt nghiệp	9	0	
289	SW451DV01	Khóa luận tốt nghiệp	9	0	
290	TC202DV01	Tài chính doanh nghiệp	3	45	
291	TC304DV02	Quản trị tài chính	3	45	
292	TC306DE02	Quản trị rủi ro	3	45	
293	TC324DV02	Phân tích dữ liệu tài chính doanh nghiệp	3	45	
294	TC334DV01	Thị trường chứng khoán và Phái sinh	3	60	
295	TC336DV01	Nhập môn về công nghệ tài chính và blockchain	3	60	
296	TC337DV01	Quản trị tài chính doanh nghiệp	6	75	
297	TC338DV01	Đầu tư và kinh doanh ngân hàng	6	75	
298	TC431DV01	Các mô hình quản trị và đầu tư tài chính	6	75	
299	TC432DV01	Nghị vụ ngân hàng thương mại	6	75	
300	TC433DV01	Đề án “Behind the data”	3	0	

301	TC450DV01	Thực tập tốt nghiệp	9	0	
302	TC450DV01	Thực tập tốt nghiệp	9	0	
303	TC451DV01	Khóa luận tốt nghiệp	9	0	
304	TC451DV01	Khóa luận tốt nghiệp	9	0	
305	TK112DV01	Phương pháp nghiên cứu và phát triển ý tưởng	3	45	
306	TK116DV01	Xử lý bề mặt vật liệu	3	60	
307	TK117DV01	Nền tảng thiết kế thời trang	3	75	
308	TK203DV04	Phương pháp phác thảo mẫu và trình bày bộ sưu tập	3	56	
309	TK209DV01	Văn hoá thời trang 2	3	60	
310	TK318DV02	Tiếp thị thời trang	3	60	
311	TK332DE01	Thiết kế thời trang tự chọn	3	60	
312	TM103DV03	Kỹ thuật may căn bản	3	60	
313	TM205DV01	Kỹ thuật raster 2D	3	75	
314	TN102DV03	Tin học nội thất 1: Nhập môn và AutoCAD	3	60	
315	TN111DV02	Thiết kế bền vững	3	45	
316	TN115DV01	Công cụ số trong thiết kế kiến trúc nội thất	3	90	
317	TN202DV01	Tin học nội thất 3 - (SketchUp)	3	60	
318	TN208DV02	Cấu tạo Kiến trúc - Nội thất	3	60	
319	TN210DV02	Vật liệu và công nghệ xử lý trong nội thất	3	60	
320	TN303DE02	Đồ án thiết kế nội thất công trình nhà ở	3	60	
321	TN450DV01	Đồ án tốt nghiệp	9	0	
322	TO202DV01	Lịch sử và văn hóa Việt Nam	3	45	
323	TO209DE01	Nghiep vụ và thực hành hướng dẫn du lịch	3	45	
324	TO304DV02	Quản lý dự án DL-NH-KS-SK	3	0	
325	TO319DV01	Đề án ngành Quản trị DL-NH-KS-SK	3	0	
326	TO402DE01	Quản trị lữ hành	3	45	
327	TO450DE01	Thực tập tốt nghiệp	9	0	
328	TO451DE01	Khóa luận tốt nghiệp	9	0	
329	TO456DE01	Dự án khởi nghiệp	9	0	
330	TO456DE01	Dự án khởi nghiệp	9	0	
331	TO456DE01	Dự án khởi nghiệp	9	0	
332	TQ101DV02	Tiếng Trung 1	4	90	
333	TQ201DV05	Tiếng Trung 4	4	90	
334	TT106DV01	Cảm thụ nghệ thuật nghe nhìn	3	75	
335	TT206DV02	Nội dung phương tiện truyền thông nghe nhìn	3	75	
336	TT207DV01	Kỹ thuật audio - video	3	75	
337	TT216DV01	Văn hóa đại chúng Châu Á	3	45	
338	TT301DV02	Nghiên cứu thị hiếu khán thính giả	3	45	
339	TT452DE01	Đồ án tốt nghiệp	9	0	
340	TT452DV01	Đồ án tốt nghiệp	9	0	

DANH SÁCH HỌC PHẦN CÓ SINH VIÊN CHƯA ĐẠT THEO YÊU CẦU ĐÀO TẠO

(Đính kèm thông báo số 90/TB-ĐTĐH ngày 07 tháng 11 năm 2025)

Lưu ý: SV xem kỹ mã Học phần (HP) theo đúng yêu cầu đào tạo từng khóa để chọn đúng Mã số Học phần (Cột B_tô Vàng).

STT	Mã học phần	Tên học phần	Tin chỉ	Tổng tiết	Học phần bắt buộc (HP BB)	Học phần tự chọn bắt buộc (HP TCBB)	Sĩ số tổng	Ghi chú
1	AI101DV01	Cấu trúc rời rạc	3	45	9		9	
2	AI102DV01	Giải tích số	3	60	8		8	
7	AI204DE01	Phân tích thiết kế hệ thống	3	60	4		4	
8	AI204DV01	Phân tích thiết kế hệ thống	3	60	2		2	
10	AI206DV01	Đồ án lập trình máy học	2	0	5		5	
11	AI207DV01	PT,TK&XDHT hướng ĐT với Python	6	105	5		5	
12	AI208DV01	Phân tích và tối ưu hoá số	6	105	4		4	
13	AI301DE01	Máy học	3	60		134	134	
14	AI301DV01	Máy học	3	60	11	111	122	
15	AI302DE01	Hệ hỗ trợ ra quyết định	3	45		136	136	
16	AI302DV01	Hệ hỗ trợ ra quyết định	3	45		96	96	
18	AI304DV01	Thiết kế và phát triển ĐA TTNT	2	0	4		4	
19	AI305DE01	Học sâu	3	60	3		3	
21	AI306DV01	Phân tích dữ liệu	3	60		11	11	
22	AI402DE01	Lập trình ứng dụng trí tuệ NT	3	60		154	154	
23	AI402DV01	LT ứng dụng trí tuệ nhân tạo	3	60		143	143	
24	AI403DE01	Khai phá dữ liệu cơ bản	3	60		136	136	
25	AI403DV01	Khai phá dữ liệu cơ bản	3	60		84	84	
26	AI404DE01	Hệ quản lý tri thức	3	45		179	179	
27	AI404DV01	Hệ quản lý tri thức	3	45		119	119	
28	AI405DE01	Các công cụ & nền tảng PT AI	3	60	4		4	
29	AI406DE01	Trí tuệ nhân tạo nâng cao	3	60	2		2	
30	AI407DE01	Người máy và Thị giác máy tính	3	60		2	2	
31	AI408DE01	Xử lý ngôn ngữ tự nhiên	3	60		133	133	
33	AI409DV01	Công nghệ tiếng nói	3	60		12	12	
34	AI410DV01	Trí tuệ nhân tạo tr E-Learning	3	60		11	11	
35	AI411DV01	Trí tuệ nhân tạo tr. tài chính	3	60		11	11	
36	AI412DV01	TTNT tr. giao dịch chứng khoán	3	60		11	11	
38	AI414DV01	TT nhân tạo tr. chuỗi cung ứng	3	60		11	11	
40	AI416DV01	Thực quan hóa dữ liệu	3	60		13	13	
41	AI417DE01	Trí tuệ nhân tạo	3	60	106		106	
42	AI417DV01	Trí tuệ Nhân tạo	3	60		2	2	
43	ANH102DE03	Kỹ năng Nghe & Nói tiếng Anh 2	3	45	29		29	
44	ANH110DV01	Cơ sở Văn hóa Việt Nam	3	45	6	6	12	
49	ANH212DE03	Văn hoá Anh Mỹ	3	45	51		51	
50	ANH218DE04	Kỹ năng Đọc-Viết luận TA	3	60	44		44	
51	ANH220DE02	Dẫn luận Ngôn ngữ học	3	45		39	39	
52	ANH222DE03	Đề án 1: Thu thập dữ liệu TN	2	0	57		57	
53	ANH223DE02	Kỹ năng Đọc & Viết tiếng Anh 3	3	60	31		31	
56	ANH229DE02	Ngữ pháp tiếng Anh thực hành	3	45	12		12	
58	ANH307DE05	Ngữ âm và Âm vị học tiếng Anh	3	60	52		52	
59	ANH308DE04	Nhập môn Biên Phiên dịch	3	60		155	155	
60	ANH314DE04	Giảng dạy các KN tiếng Anh	3	60	24		24	
61	ANH318DE03	Truyền Thông Nội Bộ	3	45	22	36	58	
62	ANH319DE02	Ứng dụng CN trong GD tiếng Anh	3	60	24		24	
63	ANH320DE02	ĐA 2:Thu thập DL chính nguồn	2	0	87		87	
64	ANH321DE02	Đề án thực hành ngành NNA	3	0		122	122	
66	ANH323DE01	Anh văn Truyền thông DN	3	45	47		47	
68	ANH325DE01	Kỹ năng tiếp thị và bán hàng	3	60	44		44	
69	ANH326DE02	Kỹ năng Quan hệ Công chúng	3	45		70	70	
70	ANH327DE01	Lý thuyết về Dịch thuật	3	45	1		1	
71	ANH329DE01	Phiên dịch Doanh thương	3	45	1		1	
72	ANH331DE01	Ngôn ngữ và Giao tiếp liên VH	3	45		43	43	
74	ANH333DE01	Giảng dạy hệ thống cấu trúc TA	3	45	12		12	
75	ANH334DE01	Giảng dạy TA tích hợp trong MH	3	45	16	19	35	
76	ANH335DE01	TH Giảng dạy TA qua HTPVCD	3	60		58	58	
77	ANH336DE01	Ngôn ngữ học đối chiếu	3	45		38	38	
78	ANH346DE01	P/pháp nghiên cứu khoa học	3	60		60	60	
79	ANH403DE01	Thực hành Biên Phiên dịch TM	3	60		131	131	
80	ANH404DE03	Ngữ nghĩa học Tiếng Anh	3	45	43		43	

81	ANH405DE04	Giảng dạy tiếng Anh cho Trẻ em	3	60	32		32
82	ANH406DE03	Soạn Giáo án & Tài liệu GD TA	3	45	28		28
84	ANH410DE03	Chiến lược Truyền Thông Doanh	3	45	48		48
85	ANH411DE01	Phương pháp đánh giá trong lớp	3	45	25		25
86	ANH412DE01	Tiếp thị và T/Thông Tích hợp	3	45		96	96
87	ANH413DE01	Biên dịch Nghe - Nhìn	3	45	3		3
88	ANH414DE02	Biên dịch Hành chính - Pháp lý	3	45	2		2
89	ANH415DE01	Thực hành Phiên dịch Hội thảo	3	45	3		3
90	ANH416DE01	Biên dịch Văn học	3	45	2		2
91	ANH417DE01	Giảng dạy TA đa tình huống	3	60	11	29	40
92	ANH418DE01	Phân tích Diễn ngôn	3	45		4	4
93	ANH419DE01	Ngữ dụng học tiếng Anh	3	45		4	4
94	ANH420DE01	KN Tổ chức họp & Đàm phán TM	3	60	13	73	86
95	ANH421DE01	Xây dựng DV KH chuyên nghiệp	3	60	44	9	53
96	ART103DV02	Tạo hình ứng dụng	3	60	106		106
97	ART104DV01	Lịch sử Mỹ thuật Thế giới	3	45		24	24
99	ART106DV02	Định luật phối cảnh	3	45	27		27
100	ART107DV01	Minh họa thời trang	3	60	14		14
102	ART110DV02	Cảm thụ nghệ thuật	3	60	78		78
103	ART201DV01	Hình họa mỹ thuật 2	3	60	19		19
104	ART202DV02	Đồ họa ứng dụng	3	60	88		88
105	ART203DV01	Minh họa	3	60	16		16
106	ART204DV01	Kỹ thuật Diễn họa	3	60	11		11
108	ART206DE01	Triết lý thiết kế	3	45	17		17
110	ART207DV01	Kỹ thuật phác họa và phối cảnh	6	75	41		41
111	BA101DE01	Kinh tế Vi mô	3	45		178	178
113	BA102DE01	Kinh tế Vĩ mô	3	45		334	334
115	BA103DE01	Đạo đức kinh doanh	3	45	7		7
116	BA104DE01	Quản trị học	3	45		73	73
117	BA105DV01	Luật và Đạo đức Kinh doanh	3	45	62		62
118	BA106DV01	Kinh tế lượng ứng dụng	3	45	1		1
119	BA107DV01	Kinh tế học	6	75	201		201
120	BA108DV01	QT học và Đạo đức kinh doanh	6	75	188		188
122	BA201DV01	Kỹ thuật Thương lượng	3	45		100	100
123	BA204DE01	Quản trị Sự Thay đổi	3	45	3	114	117
124	BA204DV01	Quản trị Sự Thay đổi	3	45		149	149
126	BA206DV01	Hành vi Tổ chức	3	45		160	160
127	BA301DV02	ĐA ngành Quản trị kinh doanh	3	0	124		124
128	BA302DE01	Quản trị Chiến lược	3	45	3	185	188
129	BA302DV01	Quản trị Chiến lược	3	45		176	176
130	BA303DE01	Quản trị Dự án	3	45		163	163
131	BA303DV01	Quản trị Dự án	3	45		156	156
132	BA304DE01	Quản trị vận hành doanh nghiệp	3	45	4	168	172
133	BA304DV01	Quản trị vận hành doanh nghiệp	3	45		201	201
134	BA307DV01	PP nghiên cứu trong KD	3	45	93	14	107
135	BA308DE01	Nghệ thuật Lãnh đạo	3	45		73	73
136	BA308DV01	Nghệ thuật Lãnh đạo	3	45		72	72
137	BA309DV01	ERP trong kinh doanh	3	45	80		80
138	BA401DE01	Quản trị chuỗi cung ứng	3	45	4	94	98
139	BA401DV01	Quản trị chuỗi cung ứng	3	45		136	136
140	BLAW301DV01	Luật Chứng khoán	2	30		7	7
141	BLAW302DV01	Luật Ngân hàng	2	30		5	5
142	BLAW303DV01	Pháp luật về Cạnh tranh	2	30	11	6	17
143	BLAW304DV01	PL về Kinh doanh quốc tế	2	30	15		15
144	BLAW305DV01	Pháp luật về Kinh doanh Bất ĐS	2	30		15	15
145	BLAW306DV01	PL về Kế toán - Kiểm toán	2	30		22	22
146	BLAW308DV01	PL về Kinh doanh Bảo hiểm	2	30		26	26
147	BLAW309DE01	Pháp luật về Thương mại ĐT	2	30	4		4
148	BLAW309DV01	Pháp luật về Thương mại ĐT	2	30		6	6
149	BLAW310DE01	PL về An ninh mạng & bảo vệ DL	2	30	10		10
150	BLAW401DE01	Pháp luật về Tín thác	2	30		18	18
151	BLAW402DE01	PL về Công nghệ Tài chính	2	30	9		9
154	CL203DV01	Kỹ năng Đọc và Viết tiếng TQ3	3	60	1		1
155	CL205DV01	Tiếp xúc Hán Việt & Từ Hán - V	3	45		24	24
156	CL206DC01	Đất nước học Trung Quốc	3	45	1		1
159	CN102DV01	Thực hành mạng 1	1	30	1		1
160	CN103DV01	Mạng máy tính cơ sở	3	60	112		112
161	CN104DV01	Hệ thống Máy tính	3	60	108		108
162	CN106DV01	Kỹ thuật Truyền Số liệu	3	60	1		1
163	CN108DV01	Kỹ thuật Điện tử Số	3	60	2		2
164	CN109DV01	Mạng máy tính&dịch vụ đám mây	6	105	5		5
165	CN201DV01	Thực hành mạng 2	1	30	1		1

167	CN204DV01	Công nghệ Internet	3	60	1		1
168	CN205DE01	Lập trình Mạng	3	60	1		1
169	CN206DV01	Hệ thống nhúng	3	60	1		1
170	CN211DE01	Cơ sở An ninh Mạng	3	60	2		2
171	CN213DV01	PTTK hệ thống mạng	3	60	1		1
172	CN302DV01	Thực hành mạng 3	1	30	1		1
173	CN303DV01	Mạng máy tính nâng cao	3	60	1		1
174	CN304DV01	An ninh Mạng nâng cao	3	60		1	1
175	CN308DV01	Thực hành mạng 4	1	30	1		1
176	CN309DV01	Đồ án Hướng ngành A	2	0	1		1
177	CN311DV01	Định tuyến Liên mạng	3	60		1	1
178	CN313DV01	Mạng truyền thông không dây	3	60	1		1
179	CN317DV01	CEH 1	3	60		1	1
180	CN318DE01	Quản trị Microsoft 1	3	60	2		2
181	CN319DE01	Quản trị Linux 1	3	60	2		2
182	CN323DV01	Kỹ thuật PT mã độc	3	60		1	1
183	CN333DV01	Quản trị hệ thống và mạng	3	60		130	130
184	CN334DV01	Tường lửa	3	60		130	130
185	CN404DV01	Tbị&quản trị lưu thông mạng	3	60		1	1
186	CN407DV01	Quản trị Microsoft 2	3	60		1	1
187	CN408DV01	Quản trị Linux 2	3	60		1	1
188	CP202DV01	Nguyên lý Kỹ thuật Thực phẩm	3	60	1		1
189	CP211DV01	Bổ trí Thí nghiệm &PP xử lý SL	3.00	60	1		1
190	CP304DE01	Quản lý Chất lượng trong CNTP	3.00	45	1		1
191	CP306DV01	Quản lý Chất lượng & ATDVTP	3.00	45		1	1
192	CP308DV01	Phát triển Sản phẩm	3.00	45	1		1
193	CP401DV02	KH về thịt & CN Chế biến thịt	3.00	45		1	1
194	CP402DV02	Thủy sản & CN chế biến TS	3.00	45		1	1
195	CP404DV02	Chế biến Rau quả	3.00	45		1	1
196	CP406DV01	Công nghệ Chế biến Ngũ cốc	3.00	60		1	1
197	DA201DE01	Hoạt hình căn bản	3	60		6	6
198	DA201DV01	Hoạt hình căn bản	3	60	13	28	41
199	DA202DE01	S/xuất s/phẩm truyền thông số	3	60		18	18
200	DA202DV01	Sản xuất sản phẩm truyền thông	3	60	7	18	25
201	DA203DV01	Điều khắc mô hình	3	45	17		17
203	DA204DV02	Nghệ thuật chữ viết tay	3	60	31		31
204	DA205DE01	Hồ sơ năng lực Nghệ thuật số	2	8	10		10
205	DA205DV01	Hồ sơ năng lực Nghệ thuật số	2	8	24		24
206	DA302DV01	Đồ họa bao bì	3	75		85	85
207	DA303DV01	TK phim ảnh & âm thanh số	3	60	16	61	77
208	DA304DV01	Thiết kế dựng cảnh phim/ Clip	3	60	12	12	24
209	DA305DE01	Hoạt hình nâng cao	3	60		13	13
210	DA305DV01	Hoạt hình nâng cao	3	60	15	55	70
211	DA306DE01	Tạo hình nhân vật	3	60	10		10
212	DA307DE01	Tạo hình sinh vật	3	60	15		15
213	DA308DE01	Thiết kế bối cảnh	3	60	20		20
214	DA309DE01	Thiết kế đồ họa Game	3	60	12		12
216	DA350DV01	Thực tập Nghề nghiệp	3	0	23		23
217	DA401DE01	Mình họa quảng cáo	3	60		21	21
218	DA401DV01	Mình họa quảng cáo	3	60		25	25
219	DA402DE01	Mình họa truyện tranh	3	60	18		18
220	DA402DV01	Mình họa truyện tranh	3	60		54	54
221	DA403DE01	Đồ họa minh họa sách	3	60	18		18
222	DA403DV01	Đồ họa minh họa sách	3	60		41	41
223	DA404DE01	Khởi nghiệp Nghệ thuật số	2	8	1		1
224	DA404DV01	Khởi nghiệp Nghệ thuật số	2	8	15		15
229	DM302DE01	Chiến lược Marketing KTS	3	45		46	46
230	DM302DV01	C/Lược Marketing kỹ thuật số	3	45		55	55
232	DM304DV01	Dẫn nhập môn Marketing KTS	3	45		51	51
234	DM305DV01	ST nội dung trên nền tảng TT	3	45		24	24
235	DM306DE01	Quản trị QHKKH & CL trực tuyến	3	45		90	90
236	DM306DV01	Quản trị QHKKH & CL trực tuyến	3	45		109	109
237	DM308DE02	Đề án ngành Digital Marketing	3	0	127		127
238	DM308DV02	Đề án ngành Digital Marketing	3	0	82		82
239	DM309DV01	Dữ liệu Marketing kỹ thuật số	6	75	8		8
240	DM311DV01	Đề án ngành Digital Mar. (HS)	3	0	98		98
241	DM401DE01	Tối ưu hóa công cụ tìm kiếm	3	45		74	74
242	DM401DV01	Tối ưu hóa công cụ tìm kiếm	3	45		82	82
244	EC201DV01	Thương mại Điện tử	3	45	17	9	26
245	EC202DE01	Cơ sở pháp lý về TMĐT	3	45		5	5
246	EC202DV01	Cơ sở pháp lý về thương mại ĐT	3	45		5	5
247	EC203DE01	CN số trong k/đoanh toàn cầu	3	45		42	42

248	EC203DV01	CN số trong k/doanh toàn cầu	3	45		61	61
249	EC301DV01	Sản Giao dịch TMDT	3	45	4		4
250	EC303DE01	Chính phủ Điện tử	3	45		15	15
251	EC303DV01	Chính phủ Điện tử	3	45	4	12	16
252	EC305DE01	Bảo mật Thương mại Điện tử	3	45		6	6
253	EC305DV01	Bảo mật Thương mại Điện tử	3	45	8	14	22
254	EC306DE01	Doanh nghiệp Điện tử	3	45	10	13	23
255	EC306DV01	Doanh nghiệp Điện tử	3	45		13	13
256	EC307DV01	Ứng dụng Blockchain trong KDQT	3	45	22		22
258	EC309DV02	Đề án ngành Thương mại điện tử	3	0	27		27
259	EC310DE01	Chiến lược Marketing TMDT	3	45		3	3
260	EC310DV01	Chiến lược Marketing TMDT	3	45		5	5
261	EC311DE01	Quản trị dự án TMDT	3	45		8	8
262	EC311DV01	Quản trị dự án TMDT	3	45		26	26
264	EC401DV01	Thương mại Điện tử Nâng cao	3	45		13	13
265	EM101DV01	Quy tắc ứng xử và phẩm chất ĐĐ	3	45		5	5
266	EM102DV01	Nguyên lý Quản trị Sự kiện	3	45	2		2
267	EM201DE01	Quản trị nhân sự trong sự kiện	3	45	15		15
268	EM202DE01	CN & Ứng dụng trong ngành SK	3	45	3		3
269	EM202DV01	Công nghệ & Ứng dụng trong SK	3	45	11		11
270	EM203DV01	VBPL & QT xin giấy phép SK	3	45	23		23
271	EM204DE01	Marketing & Truyền thông SK	3	45	9		9
272	EM205DE01	PP viết đề án trong tổ chức SK	3	45	3		3
273	EM205DV01	Phương pháp viết đề án TCSK	3	45	14		14
274	EM301DE01	Dịch vụ tiếp đãi SK	3	45	14		14
276	EM302DV01	Quản trị rủi ro và an toàn	3	45	10		10
277	EM303DE01	DV tiếp đãi trong SK M.I.C.E	3	45	20		20
278	EM303DV01	Dịch vụ tiếp đãi SK M.I.C.E	3	45	20		20
279	EM304DV01	Giao thoa văn hóa SK M.I.C.E	3	45	42		42
280	EM305DV01	Thiết kế sân khấu	3	45	11	11	22
282	EM306DV01	Biên tập chương trình sự kiện	3	45	21		21
283	EM308DV01	QL địa điểm CSVC SK thể thao	3	45	58		58
285	EM311DV01	Khai thác văn hóa TCSK	3	45		4	4
286	EM312DV02	Quản lý đám đông trong sự kiện	2	45	9		9
287	EM313DE01	Quản trị sự kiện bền vững	3	45		1	1
288	EM314DE01	Nhập môn Quản trị Sự kiện	3	45	10	84	94
289	EM314DV01	Nhập môn quản trị sự kiện	3	45	26		26
291	EM316DE01	Cung ứng Dịch vụ Ăn uống	3	45	8	58	66
292	EM317DE01	Quản lý KH trong tổ chức SK	3	45		29	29
293	EM401DE01	QT Dự án trong ngành Sự kiện	3	45	4		4
294	EM401DV01	Quản trị Dự án trong ngành SK	3	45	23		23
295	EM402DV01	Tài chính & KS ngân sách SK	3	45	10		10
296	EM403DE01	QTSK Giải trí – Văn hóa – NT	3	45	18		18
297	EM404DE01	Quản trị sự kiện thể thao	3	45	58		58
298	EM406DE02	Sản xuất & thi công trong SK	3	45	4	13	17
299	FM101DV01	Điện ảnh đại cương	3	60	1		1
300	FM201DV01	Văn học và điện ảnh	3	60	1		1
301	FM202DV01	Tâm lý học và điện ảnh	3	45	6		6
303	FM207DV01	Điện ảnh Việt Nam	3	45		27	27
304	FM301DV01	Sản xuất và hậu kỳ âm thanh	3	45	1		1
305	FM306DV01	Đề án: Nghiên cứu điện ảnh& TT	2	30	1		1
306	FM307DE01	Đề án: Phát triển Đồ án tốt ng	2	30	2		2
307	FM307DV01	Đề án: Phát triển Đồ án tốt ng	2	30	2		2
308	FM308DE01	Sản xuất Phim truyện	3	75		2	2
309	FM308DV01	Sản xuất Phim truyện	3	75		2	2
310	FM309DV01	Nghệ vụ đạo diễn	3	60	1	1	2
311	FM310DV01	Nghệ vụ quay phim	3	60	1	1	2
312	FM312DV01	Sản xuất phim tài liệu	3	75		16	16
313	FM313DV01	Dựng phim	3	60	2		2
314	GD101DV01	Tin học Chuyên ngành 1	3	45	35		35
316	GD103DE01	Truyền thông đại cương	3	45	25		25
317	GD201DV01	Tin học Chuyên ngành 2	3	45	34		34
318	GD202DV01	Tin học Chuyên ngành 3	3	45	35		35
319	GD203DV01	Nghệ thuật chữ 2 (nâng cao)	3	45	41		41
320	GD204DE01	Hồ sơ năng lực thiết kế	2	8	26		26
321	GD204DV01	Hồ sơ Năng lực Thiết kế	2	8	29		29
322	GD205DE01	Đồ họa dân trang	3	60	40		40
323	GD206DV01	Đồ họa thông tin	3	60	13		13
324	GD207DV01	Kỹ thuật in	3	45	34		34
325	GD208DV01	Đồ họa Web	3	60	9		9
326	GD209DE01	Tư duy thiết kế	3	45	39		39
327	GD209DV01	Tư duy Thiết kế	3	45	14	27	41

330	GD212DV01	Tin học thiết kế ứng dụng	6	90	46		46
331	GD213DV01	Nghệ thuật chữ	6	75	24		24
332	GD301DV01	Quản lý dự án	3	45	31		31
333	GD302DV01	Đồ họa minh họa sách	3	60	11		11
334	GD304DE01	Kịch bản và xây dựng KBPC	3	60	22		22
335	GD304DV01	Kịch bản và xây dựng kịch bản	3	60	13		13
337	GD307DE01	Đồ họa động	3	60		69	69
338	GD307DV01	Đồ họa động	3	60		54	54
339	GD308DE01	Thiết kế kỹ xảo hình ảnh	3	60		56	56
340	GD308DV01	Thiết kế kỹ xảo hình ảnh	3	60		78	78
342	GD310DV01	Thiết kế UI – UX 1	3	60	24		24
343	GD311DV01	Thiết kế UI – UX 2	3	60	20		20
344	GD350DV01	Thực tập Nghề nghiệp	3	0	109		109
345	GD401DE01	Khởi nghiệp thiết kế	2	0	30		30
346	GD402DE01	Đồ họa truyền thông	3	60	27		27
347	GD403DE01	Đồ án: KN Thiết kế đồ họa số	2	0	17		17
348	GD404DE01	Thiết kế dữ liệu số	3	60	17		17
349	GDKP	Giáo dục khai phóng	3	45		2543	2543
350	GE101DV01	Anh văn Giao tiếp Quốc tế 5	5	105	1203		1203
351	GE102DV01	Anh văn Giao tiếp Quốc tế 6	5	105	1666		1666
353	GLAW102DV01	Luật Kinh tế	3	45	9		9
354	GLAW201DV01	Luật lao động	3	45	14		14
355	GLAW202DE02	Luật thương mại & KD quốc tế	3	45		8	8
357	GLAW204DV01	Hệ thống CT & các VB Pháp luật	3	45	58		58
359	GS104DV01	Đại số Tuyến tính	3	45	87		87
360	GS107DV01	Toán Cao cấp	3.00	60	1		1
361	GS108DV01	Nguyên lý Thống kê	3	45	41	27	68
365	HAN102DV01	Tiếng Hàn 2	4	90		137	137
366	HAN103DV01	Tiếng Hàn 3	4	90		77	77
367	HAN201DV01	Tiếng Hàn 4	4	90		80	80
368	HC208DV01	Tiếng Việt thực hành	3	45	1		1
370	HM201DV01	Kỹ năng vận hành bộ phận phòng	3	60	20		20
371	HM202DE01	Marketing trong DL-NH-KS	3	45	18		18
372	HM202DV01	Marketing trong DL-NH-KS	3	45	31		31
373	HM203DE01	Phong cách CN trong ngành DL	2	30	17		17
374	HM301DV01	Quản lý Cơ sở vật chất KS-NH	3	45	18		18
375	HM302DE01	P/triển nhân sự ngành dịch vụ	3	45	37		37
376	HM302DV01	Phát triển nhân sự ngành DV	3.00	45	9		9
377	HM305DE01	KN vận hành bộ phận tiền sảnh	3	60	24		24
378	HM306DE01	CSKH trong M/trường toàn cầu	3	45	19	62	81
379	HM307DE01	Đặt chỗ và Quản trị Doanh thu	3	45		48	48
380	HM308DE01	KN đàm phán&KD trong ngành DV	3	45	50		50
381	HM309DE01	Những XH ĐĐ trong ngành DL&SK	3	45		45	45
382	HM401DE01	KN QL&Lãnh đạo trong ngành DV	3	45	70		70
383	HM402DV01	Tài chính trong KSNH	3	45	26		26
384	HM403DE01	Kế hoạch Phát triển Khách sạn	3	45		50	50
385	HM404DE01	Quản trị Lưu trú	3	45		35	35
386	HM407DE01	Khởi nghiệp trong ngành DV	3	45	9	41	50
387	HRM202DV02	Đề án ngành Quản trị nhân lực	3	0	26		26
388	HRM203DE01	Quản trị Nhân sự	3	45	7	206	213
390	HRM204DE01	Văn hóa Doanh nghiệp	3	45	1	10	11
391	HRM204DV01	Văn hóa Doanh nghiệp	3	45		8	8
392	HRM206DV01	Đề án PT tâm lý-QTNS	2.00	0	1		1
393	HRM302DE01	Lương, Thưởng và Phúc lợi	3	45		16	16
394	HRM302DV01	Lương, Thưởng và Phúc lợi	3	45		16	16
395	HRM305DE01	Quản trị Thành tích	3	45		21	21
396	HRM305DV01	Quản trị Thành tích	3	45		32	32
398	HRM306DV01	Quan hệ Lao động	3	45		26	26
399	HRM307DV01	Tâm lý học nhân sự	3	45	3		3
401	HRM310DV01	Tuyển dụng nhân sự	3	45		30	30
403	HRM311DV01	Đào tạo và phát triển	3	45		21	21
404	HRM312DE01	Quản trị nhân sự quốc tế	3	45		5	5
405	HRM312DV01	Quản trị nhân sự quốc tế	3	45		11	11
406	HRM404DE01	Quản trị nhân sự chiến lược	3	45		21	21
407	HRM404DV01	Quản trị nhân sự chiến lược	3	45		28	28
408	IB101DE01	Nhập môn Kinh doanh quốc tế	3	45		3	3
410	IB201DE02	Thương mại quốc tế	3	45		125	125
411	IB201DV02	Thương mại quốc tế	3	45		117	117
412	IB202DV01	Hội nhập & các Cam kết Quốc tế	3	45	5	4	9
413	IB205DV01	Thương mại và hội nhập quốc tế	6	75	11		11
415	IB301DV01	Đầu tư Quốc tế	3	45	45	24	69
416	IB303DE01	Nhượng quyền Kinh doanh	3	45		4	4

418	IB304DV02	ĐA ngành Kinh doanh quốc tế	3	0	53		53
419	IB305DV01	Nghiệp vụ Ngoại thương	3	45	55		55
421	IB306DV01	Thanh toán Quốc tế	3	45		69	69
422	IB308DV01	Thị trường đầu tư quốc tế	3	45	14		14
423	IB309DV01	Đàm phán & HD kinh doanh QT	3	45	17		17
424	IB310DE01	C/lược thâm nhập thị trường QT	3	45		30	30
425	IB310DV01	C/lược thâm nhập thị trường QT	3	45		86	86
426	IB312DV01	Đ/A ngành Kinh doanh QT (HS)	3	0	352		352
427	IB401DE01	Quản trị Kinh doanh Quốc tế	3	45		33	33
428	IB401DV01	Quản trị Kinh doanh Quốc tế	3	45		56	56
430	IB402DV01	Quản trị Xuất Nhập Khẩu	3	45		80	80
431	ILAW301DE01	Công pháp Quốc tế	3	45	13		13
432	ILAW302DE01	Tư pháp Quốc tế	3	45	8		8
433	ILAW302DV01	Tư pháp Quốc tế	3	45	9		9
434	ILAW303DV01	Luật Thương mại Quốc tế	3	45		6	6
435	ILAW304DV01	Pháp luật về Xuất Nhập khẩu	2	30	2		2
436	ILAW305DE01	PL về Mua bán Hàng hóa QT	2	30	1		1
437	ILAW306DE01	PL về Thanh toán Quốc tế	2	30	2		2
438	ILAW308DV01	Pháp luật về Nhượng quyền TMQT	2	30	2		2
439	ILAW309DV01	Luật quốc tế	6	75	6		6
440	ILAW401DE01	Luật Đầu tư	3	45	6		6
441	ILAW401DV01	Luật Đầu tư	3	45	9		9
442	ILAW402DV01	Trọng tài thương mại quốc tế	2	30	1		1
443	IT101DV01	Tin học và Cộng đồng	3	45		6	6
444	IT102DV01	Thực hành Công nghệ Thông tin1	1	30	60		60
445	IT201DV01	Cơ sở Dữ liệu	3	60	69		69
447	IT204DV01	Thực hành Công nghệ Thông tin2	1	30	138		138
448	IT205DV01	Thực hành Công nghệ Thông tin3	1	30	69		69
449	IT206DV01	Phân tích thiết kế HDT	3	60	83		83
451	IT207DV01	Kiểm thử Phần mềm	3	60	22	59	81
452	IT208DV01	PT, TK&PT HT hướng đối tượng	6	105	37		37
453	IT209DV01	Thiết kế và quản trị cơ sở DL	6	105	77		77
454	IT301DE01	Cơ sở Dữ liệu Nâng cao	3	60		108	108
455	IT301DV01	Cơ sở Dữ liệu Nâng cao	3	60		97	97
456	IT303DE01	Công nghệ và dịch vụ Web	3	60		43	43
457	IT303DV01	Công nghệ và Dịch vụ Web	3	60		56	56
459	IT306DE01	Chuyên đề Công nghệ	3	45	125		125
462	IT313DE01	Phát triển ứng dụng cho TMDT	3	45		136	136
463	IT313DV01	PT ứng dụng cho TMDT	3	45		114	114
464	IT314DE01	K/thuật phát triển kho dữ liệu	3	60		136	136
465	IT314DV01	KT phát triển kho dữ liệu	3	45		121	121
466	IT315DE01	Cơ sở dữ liệu NoSQL	3	60		11	11
467	IT315DV01	Cơ sở dữ liệu NoSQL	3	60		111	111
468	IT316DE01	Công nghệ và ứng dụng IOT	3	45		136	136
469	IT316DV01	CN và UD Internet of Things	3	45		114	114
470	IT317DE01	Phát triển ứng dụng IOT	3	60		128	128
472	IT401DE01	Công nghệ Blockchain	3	45		179	179
474	IT402DE01	Tính toán đám mây	3	60		136	136
475	JPS102DV01	Kinh tế Châu Á – TBD	2.00	30	1		1
476	JPS202DV01	Tiếng Nhật 4	8.00	0	1		1
477	JPS204DV01	Địa lý Nhật Bản	2	0	1		1
478	JPS304DV01	Quản trị doanh nghiệp Nhật Bản	2.00	30	1		1
479	JPS401DV01	Tiếng Nhật 7	8.00	180	1		1
480	JPS403DV01	Kinh tế Nhật Bản	3.00	45	1		1
481	JPS406DV01	Tiếng Nhật 8	8	180	1		1
484	KT211DV04	Kế toán Tài chính Việt Nam 1	3	60	7		7
485	KT212DE02	Thuế	3	45	1		1
488	KT302DV01	Kế toán Quản trị	3	45	10		10
489	KT303DE01	Hệ thống Thông tin Kế toán	3	45	9		9
490	KT303DV01	Hệ thống thông tin kế toán	3	45	1		1
491	KT304DV04	Kế toán Tài chính Việt Nam 2	3	45	6		6
492	KT305DE02	Thông tin Chi phí ra Quyết định	3	60	5	1	6
493	KT307DE02	Phần mềm kế toán số	3	45	8		8
494	KT308DE03	Kế toán Tài chính 2	3	45	2		2
495	KT309DE02	Kiểm toán và Dịch vụ Đảm bảo 1	3	45	10		10
496	KT310DE01	KT Quản trị và ra Quyết định 1	3	45	6		6
497	KT313DE02	Kế toán quốc tế 1	3	60	5		5
498	KT314DE01	KT quản trị và ra quyết định 2	3	45	6		6
499	KT315DE01	Hệ thống Kế toán Việt Nam	3	45	1		1
500	KT317DE01	Mô phỏng Kế toán	3	60		3	3
502	KT318DE01	Kế toán tài chính 3	3	45		12	12
503	KT319DE01	Kế toán hành chính sự nghiệp	3	45		12	12

504	KT320DV01	Đề án ứng dụng	3	0	3		3
505	KT321DV01	HT thông tin và phân tích DL	6	75	1		1
506	KT402DE01	Kế toán Ngân hàng	3	45		7	7
507	KT402DV01	Kế toán Ngân hàng	3	45		26	26
508	KT405DE01	Đề án:QT kiểm toán báo cáo TC	2	0	3		3
509	KT405DV01	ĐA: QT Kiểm Toán báo cáo TC	2	0	10		10
510	KT407DV04	Kiểm toán Nâng cao	3	60		13	13
511	KT408DV02	Kế toán Quốc tế 2	3	60		9	9
512	KT409DE02	Đề án: Phân tích Báo cáo TC	2	0	2		2
513	KT409DV02	Đề án: Phân tích BCTC	2	0	10		10
514	KT410DE02	Kiểm toán và Dịch vụ Đảm bảo 2	3	45	6		6
515	KT412DE01	Lập và phân tích BC tài chính	3	45		3	3
516	KT413DE01	Kiểm toán nội bộ	3	45		12	12
517	KT414DE01	Kế toán tài chính 4	3	45		12	12
518	LAW102DV01	PP Phân tích Luật viết	2	30		52	52
520	LAW104DV01	Những VD chung về Luật Dân sự	3	45	5		5
521	LAW105DV01	Luật Hôn nhân và Gia đình	2	30		13	13
523	LAW107DV02	Luật Lao động	3	45	13		13
526	LAW110DV01	Luật Hành chính và Tổ tụng HC	3	45	11		11
527	LAW111DV01	Luật Tổ tụng Dân sự	3	45	14		14
530	LAW114DE02	Tiếng Anh chuyên ngành Luật	3	45	25		25
531	LAW115DV01	Luật Hành chính&Luật Hình sự	6	75	10		10
532	LAW201DV01	Luật Tài sản	3	45	6		6
534	LAW203DV01	Pháp luật về Bảo đảm Nghĩa vụ	2	30	12		12
535	LAW204DE01	Hợp đồng chuyên sâu	2	30	19		19
536	LAW205DV01	PL về Công chứng, Chứng thực	2	30	19	37	56
537	LAW206DV01	Luật Sở hữu Trí tuệ	3	45	13		13
538	LAW207DV01	Luật Thi hành án Dân sự và TPL	2	30		41	41
539	LAW208DV01	Luật học So Sánh	2	30		45	45
540	LAW209DV01	Kỹ năng thực hành pháp luật	2	30		19	19
541	LAW210DV01	Luật Dân sự 1	6	75	9		9
542	LAW211DV01	Luật Dân sự 2	6	75	6		6
543	LG201DE01	Quản trị Nhà kho và Tồn kho	3	45		17	17
544	LG201DV01	Quản trị Nhà kho và Tồn kho	3	45		33	33
545	LG202DE01	Logistics	3	45	5	39	44
546	LG202DV01	Logistics	3	45		29	29
547	LG203DE01	Quản trị Thu mua	3	45		29	29
549	LG204DE01	Logistics (FIATA)	3	45		14	14
551	LG206DE01	N/lý logistics&QL chuỗi C/ứng	3	45		37	37
554	LG301DV01	Vận tải và Bảo hiểm Quốc tế	3	45		78	78
555	LG303DE01	QL và Khai thác Cảng biển	3	45		25	25
556	LG303DV01	QL và Khai thác Cảng biển	3	45		30	30
557	LG304DV01	Hệ thống Thông tin Logistics	3	45		44	44
558	LG305DE01	Vận tải Quốc tế	3	45		9	9
559	LG305DV01	Vận tải Quốc tế	3	45		9	9
560	LG306DE01	Giao nhận hàng hóa và KBHQ	3	45	13		13
561	LG306DV01	Giao nhận HH và khai báo HQ	3	45	50	5	55
562	LG307DV01	Vận tải đa phương thức	3	45		24	24
563	LG308DV01	Vận tải thủy	3	45		27	27
564	LG309DE01	Hàng hóa & BH trong VTQT	3	45		44	44
565	LG309DV01	Hàng hóa & BH trong VTQT	3	45		68	68
566	LG311DE01	Nghiệp vụ Ngoại thương (FIATA)	3	45	26		26
570	LG315DE01	HH & BH trong VTQT (FIATA)	3	45		65	65
571	LG316DE01	HT Thông tin Logistics (FIATA)	3	45		25	25
572	LG319DE01	Vận hành D/Vụ Logistics (FIATA)	3	45		14	14
574	LG319DV01	Vận hành dịch vụ Logistics	3	45		35	35
575	LG322DV01	Đề án ngành Logistics & QLCCU	3	0	19		19
577	MIS101DV01	Tin học Đại cương	3	45	1		1
578	MIS102DE02	NM doanh nghiệp số và UD AI	3	45		8	8
580	MIS103DV02	Nhập môn Cơ sở Dữ liệu	3	45	14		14
581	MIS203DV01	Thiết kế Web và Đồ họa	3	45	63		63
582	MIS208DV01	Phân tích và Thiết kế HTTT	3	45	1		1
583	MIS209DV02	Lập trình Ứng dụng Kinh doanh	3	45	1		1
584	MIS210DV02	Hệ quản trị Cơ sở DL căn bản	3	45	3		3
585	MIS211DE01	Sử dụng và Quản lý HTTT	3	45	1		1
586	MIS212DV01	Kỹ năng sử dụng MS Visio,MS PP	3,00	45		11	11
587	MIS213DV01	QL dữ liệu với MS Excel&Access	3,00	45		11	11
588	MIS214DV01	Phân tích định lượng	3	45	124	1	125
592	MIS302DE01	Phân tích Hệ thống Nghiệp vụ	3	45	3		3
593	MIS303DV02	Ứng dụng thương mại điện tử	3	60		4	4
594	MIS304DV03	Đồ án Chuyên ngành HTTT	3	0	3		3
595	MIS306DE02	Hoạch định nguồn lực DN	3	45	3		3

596	MIS312DV01	Những xu hướng Công nghệ mới	3	45		4	4
597	MIS314DV02	KD Thông minh & Phân tích DLL	3	45	13	3	16
598	MIS316DV01	ĐB chất lượng và kiểm thử PM	3	45		1	1
599	MIS404DE02	Chiến lược Phát triển HTTTDN	3	45	2		2
600	MK202DE02	Hành vi khách hàng	3	45	3	70	73
602	MK203DE01	Marketing Căn bản	3	45	1	122	123
604	MK208DV01	Nghiên cứu Marketing	3	45	59	77	136
605	MK302DE01	Marketing Quốc tế	3	45		35	35
606	MK302DV01	Marketing Quốc tế	3	45		35	35
607	MK303DE02	Marketing định hướng dữ liệu	3	45		2	2
608	MK303DV02	Marketing định hướng dữ liệu	3	45		4	4
609	MK305DE02	Quản trị kênh Marketing	3	45		49	49
610	MK305DV02	Quản trị kênh Marketing	3	45		80	80
611	MK306DE01	Quản trị Bán lẻ	3	45		10	10
612	MK306DV01	Quản trị Bán lẻ	3	45		7	7
614	MK307DV01	Quản trị Sản phẩm	3	45		122	122
615	MK308DE03	QT truyền thông Mkt. tích hợp	3	45		145	145
616	MK308DV03	QT truyền thông Mkt. tích hợp	3	45		201	201
617	MK309DE01	Quản trị Marketing	3	45		48	48
618	MK309DV01	Quản trị Marketing	3	45		36	36
619	MK310DE01	Quản trị Bán hàng	3	42	3	136	139
620	MK310DV01	Quản trị Bán hàng	3	45		144	144
621	MK312DE01	Chiến lược & chiến thuật PTTT	3	45		26	26
622	MK312DV01	Chiến lược & các chthuật ph/tiện TT	3	45		29	29
623	MK315DV03	Đề án ngành Marketing	3	0	74		74
625	MK316DV01	Chiến lược Định giá	3	45		193	193
626	MK317DE01	Chiến lược Marketing	3	45		130	130
627	MK317DV01	Chiến lược Marketing	3	45		174	174
628	MK318DE01	PT truyền thông Marketing XH	3	0		3	3
629	MK318DV01	PT truyền thông Marketing XH	3	45		3	3
630	MK326DV01	Lập KH DH nghề Mkt c/nghiệp	3	45	9		9
632	MK329DV01	Đề án ngành Marketing (HS)	3	0	116		116
634	MK401DV02	Quản trị Thương hiệu	3	45		153	153
635	MK402DE01	Quản trị Marketing B2B	3	45		38	38
636	MK402DV01	Quản trị Marketing B2B	3	45		24	24
637	MK403DE02	Quản lý và chăm sóc khách hàng	3	45	28	85	113
638	MK403DV02	Quản lý và chăm sóc khách hàng	3	45		44	44
639	MK404DE01	Marketing Dịch vụ	3	45		57	57
640	MK404DV01	Marketing Dịch vụ	3	45		77	77
641	MK406DE01	Marketing nội dung	3	45		57	57
642	MK406DV01	Marketing nội dung	3	45		68	68
643	MK407DE01	Quản trị tài trợ và sự kiện	3	45	5		5
644	MK407DV01	Quản trị tài trợ và sự kiện	3	45	7		7
645	MK409DE01	Marketing nền tảng di động	3	45		70	70
646	MK409DV01	Marketing nền tảng di động	3	45		71	71
647	MK410DE01	Phân tích dữ liệu Marketing ĐT	3	45		107	107
648	MK410DV01	Phân tích dữ liệu Marketing ĐT	3	45		90	90
649	MK411DE01	Quản trị khuyến mãi	3	45		18	18
650	MK411DV01	Quản trị khuyến mãi	3	45		10	10
651	MK412DE01	Quản trị bán hàng B2B	3	45		90	90
652	MK412DV01	Quản trị bán hàng B2B	3	45		104	104
653	MK413DV01	Điều hành bán hàng đa kênh	3	0	54		54
655	NHAT102DV03	Tiếng Nhật 2	4	90		129	129
656	NHAT103DV03	Tiếng Nhật 3	4	90		73	73
657	NHAT201DV03	Tiếng Nhật 4	4	90		78	78
658	PB204DV01	Nghệ thuật thiết kế SP BDS	3	45	1		1
659	PB205DV01	Xu hướng đương đại tr. ĐT BDS	3	45	1		1
660	PB206DV01	Kinh tế học đô thị	3	45	1		1
661	PB301DV01	Thẩm định dự án	3	45	1		1
662	PB302DE01	Phân tích dữ liệu TT BDS	3	45		1	1
663	PB302DV01	Phân tích dữ liệu TT BDS	3	45		1	1
664	PB303DV01	Phát triển bất động sản	3	45	1		1
665	PB304DV01	Phân tích quy hoạch xây dựng	3	45	2		2
666	PB305DE01	Kỹ thuật giao dịch BDS	3	45		2	2
667	PB305DV01	Kỹ thuật giao dịch BDS	3	45		2	2
668	PB306DV01	Quản trị vận hành bất động sản	3	45	3		3
669	PB307DV01	Sàn giao dịch bất động sản	3	45	1		1
670	PB308DE01	Nghiệp vụ đại lý KD BDS	3	45		1	1
671	PB308DV01	Nghiệp vụ đại lý KD BDS	3	45		1	1
672	PB315DV02	Đề án Kinh doanh bất động sản	3	0	1		1
673	PB316DV01	PP nghiên cứu trong KD BDS	3	45	1		1
675	PHAP102DV02	Tiếng Pháp 2	4	90		115	115

676	PHAP103DV02	Tiếng Pháp 3	4	90		74	74
677	PHAP201DV02	Tiếng Pháp 4	4	90		84	84
678	PHI117DV01	Triết học trong Cuộc sống	3	45		2658	2658
681	PR201DV01	Tổng quan Kinh doanh QTDN	3	45		26	26
684	PR203DE01	Sản xuất tin tức & phóng sự	3	45		16	16
686	PR204DE01	Truyền thông thị giác	3	45		15	15
687	PR204DV01	Truyền thông thị giác	3	45		28	28
689	PR302DE01	Ng/cứu trong hoạt động QHCC	3	45		15	15
690	PR302DV01	Nghiên cứu trong QHCC	3	45		21	21
691	PR303DE01	Hoạch định chiến lược & QT	3	45		25	25
692	PR303DV01	Hoạch định chiến lược & QT	3	45		25	25
693	PR308DV01	Đề án: Sản xuất SP TT PR	2	30	24		24
694	PR309DV01	Đề án: KH và triển khai QHCC	2	30	21		21
695	PR310DV01	SX SP truyền thông cho HD QHCC	6	75	9		9
697	PR401DV01	Truyền thông doanh nghiệp	3	45		25	25
698	PR402DE01	Quản lý khủng hoảng TT	3	45		21	21
699	PR402DV01	Quản lý khủng hoảng TT	3	45		63	63
700	PSY101DV01	Nhập môn Tâm lý học	3	45	9		9
701	PSY103DV01	Đặc tính Tâm lý của người VN	3	45	30		30
702	PSY104DV01	PPNCKH trong Tâm lý học	3	45	17		17
704	PSY106DE02	Tâm lý học XH trong đời sống	3	45	9		9
705	PSY106DV02	Tâm lý học XH trong đời sống	3	45	13		13
706	PSY107DE01	TLH - Khái niệm và ứng dụng	3	45		20	20
707	PSY107DV01	Tâm lý học - Khái niệm và UD	3	45		153	153
709	PSY111DV01	PP nghiên cứu & T/Kê trong TLH	6	75	11		11
710	PSY201DV01	Đánh giá Tâm lý	3	45	20		20
712	PSY202DV02	T/Hành chuyên nghiệp trong TLH	3	45	12		12
713	PSY203DV01	ĐA1: UD Tâm lý vào MT sống	2	0	13		13
714	PSY204DV01	Kỹ năng Tham vấn Căn bản	3	45	7		7
716	PSY206DE01	Tâm bệnh học I	3	45	18		18
717	PSY206DV01	Tâm bệnh học I	3	45	4		4
718	PSY207DE01	Tâm bệnh học II	3	45	27		27
719	PSY208DV01	Tâm lý học Hành vi	3	45	12		12
720	PSY209DV01	Tâm lý học Hướng nghiệp	3	45	21		21
722	PSY213DV01	Tâm bệnh học	6	72	8		8
723	PSY301DV01	ĐA 2: ƯD Tâm lý Chuyên ngành	2	0	20		20
724	PSY302DE01	Lý thuyết và Kỹ thuật Tham vấn	3	45		13	13
725	PSY302DV01	Lý thuyết và Kỹ thuật Tham vấn	3	45		7	7
726	PSY303DE01	Năng động nhóm	3	45	7		7
727	PSY304DV01	Phát triển Nghề nghiệp	3	45	4		4
728	PSY305DE01	Phát triển nhân cách	3	45		10	10
729	PSY305DV01	Phát triển Nhân cách	3	45		6	6
731	PSY306DV01	Tâm lý học Sức khỏe	3	45		23	23
732	PSY307DE02	TL sinh học & TKH về hành vi	3	45	11		11
733	PSY307DV02	Tâm lý sinh học & TK học về HV	3	45	23		23
734	PSY308DE01	Tâm lý SH & TK học về HV II	3	45	25		25
736	PSY310DV01	Trắc nghiệm Tâm lý	3	45	14		14
737	PSY311DE01	Tâm lý học Lâm sàng	3	45	11		11
738	PSY312DE01	Tham vấn Hướng nghiệp	3	45	11		11
739	PSY313DE01	Trị liệu Nhận thức Hành vi I	3	45	18		18
740	PSY315DV01	Nền tảng và kỹ thuật Tham vấn	6	75	9		9
741	PSY401DV01	Tham vấn Nghề nghiệp Năng cao	3	45		7	7
742	PSY402DV01	Trị liệu Giải mẫn cảm bằng CDM	3	45		42	42
743	PSY403DE01	Trị liệu Nghệ thuật	3	45		11	11
744	PSY403DV01	Trị liệu Nghệ thuật	3	45		19	19
745	PSY404DE01	Trị liệu nhận thức hành vi II	3	45	14		14
746	PSY404DV01	Trị liệu Nhận thức Hành vi II	3	45		26	26
748	PSY406DV01	Ứng dụng Tham vấn Hướng nghiệp	3	45		2	2
749	PSY407DE01	Chánh niệm trong T/vấn-T/liệu	3	45		11	11
750	PSY410DE01	Tâm lý học Tích cực	3	45	5		5
751	PSY450DV01	Thực tập nghề nghiệp	3	0		34	34
753	RM201DE01	Quản lý dịch vụ ẩm thực	3	45	14	57	71
755	RM203DE01	Văn hóa Ẩm thực	3	45	21		21
756	RM203DV01	Văn hóa Ẩm thực	3	45	18		18
757	RM204DE01	Xây dựng Thực đơn	3	45	8		8
758	RM204DV01	Xây dựng Thực đơn	3	45	11		11
759	RM205DE01	An toàn và Vệ sinh	3	45		21	21
760	RM205DV01	An toàn và Vệ sinh	3	45	13		13
761	RM302DE01	KN vận hành quầy rượu&đồ uống	3	45	30		30
762	RM304DV01	Kỹ thuật làm bánh	3	60	20		20
763	RM305DE01	Quản lý quầy rượu và đồ uống	3	45		39	39
764	RM306DE01	Kiểm soát Chi phí	3	45		40	40

765	RM307DV01	Chế biến món ăn	6	90	6		6
766	RM401DE01	Kế hoạch Thiết kế Nhà hàng	3	45		41	41
767	SW101DV01	Nhập môn Lập trình	3	60	35		35
770	SW104DV01	Cơ sở lập trình	6	105	38		38
771	SW205DV01	Đồ án Thực tập Lập trình A	2	45	135		135
772	SW206DV01	Phân tích&thiết kế giải thuật	3	60	73		73
773	SW209DE01	Kỹ thuật lập trình nâng cao	3	60	58		58
775	SW211DV01	Cấu trúc DL & TK giải thuật	6	105	50		50
776	SW301DE01	Phát triển game	3	60		179	179
777	SW301DV01	Phát triển Game	3	60		56	56
778	SW302DE01	Phát triển game nâng cao	3	60		43	43
780	SW303DE01	Phát triển ứng dụng đám mây	3	60		136	136
781	SW303DV01	Phát triển ứng dụng đám mây	3	60		168	168
782	SW304DE01	Đ/toán T/gian thực&HT nhúng	3	60		136	136
783	SW304DV01	Điện toán TG thực và HT nhúng	3	60		169	169
784	SW305DE01	Phát triển Web	3	60		113	113
785	SW305DV01	Phát triển Web	3	60		124	124
786	SW306DE01	Phát triển Web front-end	3	60		24	24
787	SW306DV01	Phát triển Web Front-End	3	60		55	55
788	SW307DE01	P/triển Web với Servlets & JSP	3	60		43	43
789	SW307DV01	PT Web với Servlets & JSP	3	60		71	71
790	SW310DE01	P/triển UD trên T/bị di động	3	60		129	129
792	SW311DE01	P/triển Web sử dụng Frameword	3	60		43	43
794	SW312DE01	Phát triển phần mềm ứng dụng	3	60		94	94
795	SW312DV01	Phát triển phần mềm ứng dụng	3	60		292	292
796	SW313DE01	Công nghệ .Net	3	60		30	30
797	SW313DV01	Công nghệ .Net	3	60		56	56
799	SW318DE01	Kỹ thuật Thu thập Yêu cầu PM	3	45	96		96
800	SW318DV01	Kỹ thuật Thu thập Yêu cầu PM	3	45		54	54
801	SW319DE01	An toàn Phần mềm và Hệ thống	3	60	39		39
802	SW401DE01	Quản lý Chất lượng Phần mềm	3	45		136	136
803	SW401DV01	Quản lý Chất lượng Phần mềm	3	45		111	111
805	SW403DE01	Quản trị Dự án Phần mềm	3	45	124		124
806	TC201DE02	Tài chính tiền tệ	3	45		9	9
807	TC201DV02	Tài chính Tiền tệ	3	45	18	9	27
808	TC202DE01	Tài chính Doanh nghiệp	3	45	13	237	250
810	TC203DE02	Tài chính Quốc tế	3	45		40	40
811	TC203DV02	Tài chính Quốc tế	3	45		25	25
812	TC208DE01	Nghiệp vụ ngân hàng	3	45		22	22
813	TC208DV01	Nghiệp vụ ngân hàng	3	45		22	22
814	TC210DE01	Thị trường Chứng khoán	3	45		14	14
815	TC301DE02	Các Công cụ Tài chính Phái sinh	3	45		28	28
816	TC301DV02	Các công cụ t/chính phái sinh	3	45		32	32
817	TC302DE01	Phân tích Báo cáo Tài chính	3	45		30	30
818	TC302DV01	Phân tích Báo cáo Tài chính	3	45		34	34
819	TC303DE01	Quản trị Danh mục Đầu tư	3	45		19	19
820	TC303DV01	Quản trị Danh mục Đầu tư	3	45		19	19
821	TC304DE02	Quản trị Tài chính	3	45		37	37
823	TC305DE01	Tái Cấu trúc & Định giá DN	3	45		26	26
824	TC305DV01	Tái cấu trúc&đgiá doanh nghiệp	3	45		22	22
826	TC306DV02	Quản trị rủi ro	3	45		26	26
827	TC309DE01	Quản trị Dự án Đầu tư	3	45		9	9
828	TC312DE01	Ngân hàng Bán lẻ	3	45		25	25
829	TC312DV01	Ngân hàng Bán lẻ	3	45		25	25
830	TC315DE02	Toán tài chính	3	45	7		7
831	TC319DE01	Tài chính Hành vi	3	45	5		5
832	TC325DE01	Nhập môn về Công nghệ TC	3	45		32	32
833	TC325DV01	Nhập môn về C/nghe tài chính	3	45		25	25
834	TC329DE01	UD blockchain trong tài chính	3	45		6	6
835	TC329DV01	Ứng dụng blockchain trong TC	3	45		4	4
836	TC330DE01	Nghiệp vụ nguồn vốn và đầu tư	3	45		22	22
837	TC330DV01	Nghiệp vụ nguồn vốn và đầu tư	3	45		22	22
838	TC331DE01	Tài chính khởi nghiệp	3	45		12	12
840	TC335DV01	TC QT trong các tập đoàn đa QG	3	60	2		2
842	TC401DE02	PP định lượng trong TC	3	45		5	5
843	TC402DE01	Các Mô hình Tài chính	3	45		25	25
844	TC402DV01	Các Mô hình Tài chính	3	45		17	17
845	TC406DE01	Tin dụng Ngân hàng	3	45		27	27
846	TC406DV01	Tin dụng Ngân hàng	3	45		22	22
847	TC407DE02	QT rủi ro trong ngân hàng	3	45		10	10
848	TC407DV02	QT rủi ro trong ngân hàng	3	45		26	26
849	TC419DE01	Tài chính Tập đoàn đa Quốc gia	3	45		19	19

850	TC419DV01	Tài chính Tập đoàn Đa Quốc gia	3	45		18	18
851	TC422DE02	Đề án ứng dụng	2	0	4		4
852	TC422DV02	Đề án ứng dụng	2	0	9		9
853	TC427DV01	Đề án ứng dụng tài chính	3	0	1		1
854	TC428DV01	Đề án ứng dụng ngân hàng	3	0	6		6
855	TC430DE01	Tạo lập Giá trị Doanh nghiệp	3	45		7	7
856	TC430DV01	Tạo lập Giá trị Doanh nghiệp	3	45		31	31
857	TK104DV02	Văn hoá Thời trang 1	3	60	15		15
858	TK111DV01	Vật liệu Dệt may	3	60	4		4
860	TK113DV02	Nguyên lý Thiết kế Thời trang	3	60	4		4
861	TK115DV02	Photoshop, Illustrator, InDesi	2	60	12		12
864	TK203DE04	PP phân thảo mẫu & T/bày BST	3	56	5		5
866	TK209DE01	Văn hóa Thời trang 2	3	60	6		6
867	TK213DV01	Đề án 1	2	12	5		5
868	TK214DV03	Vẽ kỹ thuật Trang phục	2	60	6		6
869	TK215DE01	Quản lý hồ sơ năng lực TKTT	3	45	8		8
870	TK215DV01	Quản lý hồ sơ năng lực TKTT	3	45	13		13
871	TK216DV01	CAD	2	45	9		9
872	TK216DV02	CAD	3	75	5		5
873	TK217DV01	Văn hóa thời trang	6	84	8		8
874	TK218DV01	Thiết kế bộ sưu tập thời trang	6	84	11		11
875	TK313DE01	Thiết kế Thời trang Nữ	3	60	17		17
876	TK314DE01	Thiết kế Thời trang Nam	3	60	15	3	18
877	TK315DE02	TKTP trẻ em,TP lót & phụ trang	3	90	18		18
879	TK320DV01	Đề án 2	2	12	4		4
880	TK322DV02	Nguyên lý ngành CN Thời trang	3	60	11		11
881	TK323DV03	Toán học cho Kinh doanh TT	3	60	1		1
882	TK324DE01	QT Thương hiệu Thời trang	3	60		2	2
883	TK325DE03	Q/Trị chiến lược hàng hóa TT	3	60	11		11
884	TK326DE02	TT Marketing Tích hợp trong TT	3	60	10		10
885	TK327DV01	Đề án kinh doanh	2	12	2		2
886	TK328DE01	Nghiên cứu Xu hướng Thời trang	2	45	7		7
887	TK329DE01	Thiết kế trang phục trẻ em	2	60		6	6
888	TK330DE01	TK trang phục lót&tk phụ trang	2	60		5	5
889	TK402DV05	Phần mềm ứng dụng trong TKTT	3	75	13	3	16
890	TK403DE01	Kỹ thuật SX hàng thời trang	3	45	13		13
891	TK404DE02	Thiết kế Trang phục Cao cấp	3,00	75	1		1
892	TK406DE01	Quản lý Bán lẻ Thời trang	3	60		5	5
893	TK407DE02	QL Chuỗi cung ứng hàng TT	3	60		2	2
894	TK408DE02	Khởi nghiệp Thời trang	3	60	1		1
895	TK409DE01	Thiết kế thời trang: Tiền TN	2	60		3	3
896	TK409DV01	Thiết kế thời trang: Tiền TN	2	60	17		17
898	TM104DV01	Tạo mẫu Cấn bản	3	75	16		16
899	TM202DV04	Kỹ thuật Draping	3	75	10	3	13
900	TM204DV02	Tạo mẫu Cấn bản 2	3	75	6		6
902	TM308DV02	Tạo mẫu Nâng cao	3	75	4	2	6
903	TM403DV02	Tạo mẫu Trang phục Cao cấp	3	75	3	1	4
905	TN109DV01	Quản lý dự án nội thất	2	45	16	13	29
906	TN110DV01	Phong thủy ứng dụng nội thất	2	45	16	13	29
907	TN111DE01	Thiết kế bền vững	2	45	8		8
908	TN113DV01	Cơ sở thiết kế bản vẽ	2	45	7		7
910	TN116DV01	Đại cương Kiến trúc - Nội thất	6	75	1		1
911	TN117DV01	Kỹ thuật trình bày bản vẽ	3	60	11		11
912	TN118DV01	Trang trí cơ sở ngành NT	3	56	9		9
913	TN201DV01	Tin học Nội thất 2 (PhotoShop)	2	45	9		9
915	TN203DV01	Tin học Nội thất 4 (3D Max)	3	60	9		9
916	TN207DE01	Nguyên lý thiết kế Nội thất	3	52	4		4
917	TN207DV01	Nguyên lý thiết kế Nội thất	3	52	5		5
918	TN208DE02	Cấu tạo Kiến trúc - nội thất	3	60	6		6
920	TN210DE02	Vật liệu và CN xử lý trong NT	3	60	3		3
922	TN214DV01	Tư duy sáng tạo	2	45	8		8
923	TN215DV01	Đề án:Thi công công trình KTNT	2	0	5		5
924	TN216DV01	Phát triển kinh doanh nội thất	2	45	7		7
925	TN217DV01	Đề án:Đi thực tế tìm hiểu KTNT	2	0	12		12
926	TN218DV01	Bố cục tạo hình nội thất	3	60	6		6
927	TN219DV01	Vật liệu và cấu tạo	6	75	1		1
928	TN221DV01	Phát triển&nghiên cứu ý tưởng	3	60	4		4
929	TN302DV02	Trang thiết bị Nội thất	3	60	10		10
931	TN303DV02	Đồ án: TKNT Công trình Nhà ở	3	60	8		8
932	TN304DE02	Đồ án: TKNT Công trình GD	2	45		24	24
933	TN305DV02	Đồ án: TKNT Công trình T/mai	2	45		20	20
934	TN307DE02	Đồ án: TKNT Nội thất Văn phòng	2	45	12		12

935	TN312DE02	Đồ án: Ảnh sáng trongTTNTCT	2	45		25	25
936	TN315DV02	ĐA:TTNT Công trình Thương mại	2	45		20	20
937	TN316DE01	Đồ án TKNT CT d/vụ - giải trí	2	45	3		3
938	TN316DV01	Đồ án TKNT công trình DVGT	2	45	19		19
939	TN317DV01	Trang trí sự kiện	3	60	5		5
940	TN318DV01	ĐA TKNT thương mại tổng hợp	6	60	1		1
941	TN319DE01	ĐA TK nội thất văn phòng-GD	3	60	1		1
942	TN402DE02	Đồ án: TKCT nghỉ dưỡng DL	3	60	14		14
943	TN403DE02	Đồ án: TKNT công trình VH	3	60	10		10
944	TN406DV01	Thực tập nghề nghiệp	3	0	12		12
945	TO102DV01	Kinh tế học trong DL và KS-NH	3	45	27		27
946	TO103DV01	Tổng quan DL-KS-NH và sự kiện	6	60	20		20
947	TO201DV01	Đề án 1: Khảo sát ý kiến KH	2	0	28		28
949	TO205DV03	Thực địa tour Việt Nam	3	15	4		4
950	TO206DE01	Thực địa tour quốc tế	3	15	12		12
951	TO207DE01	Thực địa 3	3	15		16	16
953	TO210DV01	Địa lý VN & tình hình KTXHVN	3	45	4		4
955	TO309DE01	Du lịch Di sản	3	45		13	13
956	TO312DE01	Tuyển điểm Du lịch Việt Nam	3	45		13	13
957	TO314DE01	Điều hành tour	3	45	28		28
958	TO315DE01	Ảnh văn Du lịch 1	3	45	19		19
959	TO316DE01	Quản lý Điểm đến	3	45	1	8	9
960	TO317DE01	Du lịch bền vững	3	45	6		6
962	TO403DE01	Xây dựng và PT sản phẩm DL	3	45		9	9
963	TO404DE01	Nhị xu hướng đương đại trongDL	3	45		12	12
964	TO405DV01	Tài chính trong du lịch	3	45	10		10
965	TO406DE01	Ảnh văn du lịch 2	3	45		16	16
966	TO456DV01	Dự án khởi nghiệp	9	0		246	246
968	TQ102DV03	Tiếng Trung 2	4	90		115	115
969	TQ103DV03	Tiếng Trung 3	4	90		73	73
970	TQ201DV03	Tiếng Trung 4	4	90		75	75
971	TT105DV01	Truyền thông và Xã hội	3	45	18		18
973	TT107DV01	Cảm thụ âm nhạc và mỹ thuật	3	56	2		2
974	TT109DV01	Truyền thông, văn hóa & xã hội	6	75	21		21
975	TT204DV02	Luật và đạo đức truyền thông	3	60	86		86
976	TT205DE02	QT sản xuất sản phẩm TTNN	3	45		1	1
977	TT205DV02	Quy trình SX sản phẩm TTNN	3	45	45	1	46
980	TT208DV02	Lịch sử Điện ảnh	3	60		38	38
981	TT212DV01	Quy trình sáng tạo	3	45		32	32
982	TT214DV02	Kỹ năng viết truyền thông	3	45	11		11
984	TT218DV01	Kỹ năng tạo lập văn bản TT	3	60	26		26
985	TT219DV01	KN nghiên cứu truyền thông	6	90	17		17
987	TT304DV02	SX quảng cáo TVC và New Media	3	75		14	14
988	TT305DV02	Hệ thống TBKT & SX phát hành	3	60	9		9
989	TT306DV03	D/án sản xuất SP TT nghe nhìn	3	0		141	141
990	TT309DE01	Quản trị Dự án Truyền thông	3	60		12	12
991	TT309DV01	Quản trị Dự án Truyền thông	3	60		13	13
992	TT324DE01	Sáng tạo trong nghệ thuật&TT	3	60	14		14
993	TT325DV02	Sáng tạo nội dung đa P/Tiện	6	90	16		16
994	TT401DV01	Quản lý hệ thống SX TT	3	45		1	1
995	TT402DE01	Kinh doanh SP Truyền thông	3	60		12	12
996	TT402DV01	Kinh doanh SP Truyền thông	3	60		20	20
997	TT403DV02	KH kinh doanh sản phẩm TT NN	2	30	63		63
998	TT408DV01	Kỹ thuật Audio và Video	6	90	23		23